

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1371**/PETROLAND-VP  
V/v Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên  
2011 Công ty Petroland.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng **4** năm 2012

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

- **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ.**
- Trụ sở: 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0305284081 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 6 năm 2011.
- Điện thoại: 08 39309889.
- Fax: 08 39309879.
- Nội dung công bố : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland).

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí xin thông báo nội dung Nghị quyết số 1370/NQ-PETROLAND ngày 20/4/2012 về việc thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UVHĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**Đính kèm:**

NQ số 1370/NQ-PETROLAND  
Ngày 20/4/2012.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Nguyễn Duy Thạch

Số: 1370/NQ-PETROLAND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2012

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí được Đại hội đồng cổ đông chính thức thông qua 20/9/2007 và sửa đổi ngày 20/4/2011 tại Đại hội thường niên năm 2010;

Hôm nay, vào lúc 08h00, ngày 20 tháng 4 năm 2012 tại Tầng 2, Tòa nhà Petroland Tower, số 12 Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 được tiến hành có sự tham gia của 53 cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự (có danh sách kèm theo), tương ứng với 80.592.258 cổ phần chiếm 81,52% trên tổng số 98.865.080 cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty.

Sau khi bàn bạc, thảo luận, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí đã đi đến thống nhất,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về thực hiện nhiệm vụ năm 2011, kế hoạch năm 2012**

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ, vấn đề đã được Đại hội thông qua.

**Điều 2. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2011, kế hoạch năm 2012**

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ, vấn đề đã được Đại hội thông qua.

**Điều 3. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2011, kế hoạch năm 2012**

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ, vấn đề đã được Đại hội thông qua.

**Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính tóm tắt năm 2011 đã được kiểm toán**

**I.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	1.724.812.001.810	1.110.380.627.649
1	Tiền và các khoản tương đương		

	tiền	249.370.284.462	13.824.130.781
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	413.069.399.291	240.493.729.718
4	Hàng tồn kho	998.586.006.065	804.979.982.555
5	Tài sản ngắn hạn khác	53.786.311.992	51.082.784.595
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>741.837.055.555</b>	<b>1.100.740.752.740</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	301.484.171.936	328.084.455.293
	- Tài sản cố định hữu hình	32.337.998.200	27.798.428.084
	- Tài sản cố định vô hình	73.994.097.639	75.582.162.517
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	195.152.076.097	224.703.864.692
3	Bất động sản đầu tư	54.316.283.441	55.906.408.113
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	384.962.520.000	715.834.353.296
5	Tài sản dài hạn khác	1.074.080.178	915.536.038
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.466.649.057.365</b>	<b>2.211.121.380.389</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.427.938.783.648</b>	<b>1.185.551.413.541</b>
1	Nợ ngắn hạn	1.095.017.818.165	880.707.596.444
2	Nợ dài hạn	332.920.965.483	304.843.817.097
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.038.710.273.717</b>	<b>1.025.569.966.848</b>
1	Vốn chủ sở hữu	1.038.710.273.717	1.025.569.966.848
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	-	(7.866.485.920)

	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	4.154.653.174	21.458.924.626
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	34.555.620.543	11.977.528.142
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.466.649.057.365</b>	<b>2.211.121.380.389</b>

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	946.710.977.438	968.472.893.693
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2.869.872.783	2.990.218.751
3	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [3] = [1] - [2]</i>	943.841.104.655	965.482.674.943
4	Giá vốn hàng bán	702.053.044.711	721.302.153.533
5	<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [5] = [3] - [4]</i>	241.788.059.944	244.180.521.410
6	Doanh thu hoạt động tài chính	17.420.862.672	151.628.375.889
7	Chi phí tài chính	49.188.720.856	61.292.548.820
8	Chi phí bán hàng	3.861.929.947	6.294.562.746
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.808.915.243	80.403.844.002
10	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [10] = [5] + [6] - [7] - [8] - [9]</i>	<b>190.349.356.570</b>	<b>247.817.941.731</b>
11	Thu nhập khác	2.553.411.434	3.654.268.323
12	Chi phí khác	563.875.771	748.118.174
13	<i>Lợi nhuận khác [13] = [11] - [12]</i>	<b>1.989.535.663</b>	<b>2.906.150.149</b>
14	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [14] = [10] + [13]</b>	<b>192.338.892.233</b>	<b>250.724.091.880</b>

15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.207.955.780	62.400.901.950
16	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp [16] = [14] - [15]</b>	<b>143.130.936.453</b>	<b>188.323.189.930</b>
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.448	1.905

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ, vấn đề đã được Đại hội thông qua.

**Điều 5. Thông qua phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận năm 2011**

1	<b>Lợi nhuận sau thuế năm 2008, 2009 và 2010 (sau điều chỉnh hồi tố) :</b>	<b>45.192.253.477</b>	<b>đồng</b>
2	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN 2011:</b>	<b>143.130.936.453</b>	<b>đồng</b>
3	<b>Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến hết năm 2011</b>	<b>188.323.189.930</b>	<b>đồng</b>
4	<b>Lợi nhuận đã phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008, 2009 và 2010</b>	<b>144.209.526.030</b>	<b>đồng</b>
-	Chi trả cổ tức năm 2010 (10% mệnh giá):	100.000.000.000	đồng
-	Quỹ đầu tư phát triển :	10.729.462.312	đồng
-	Quỹ dự phòng tài chính :	10.729.462.312	đồng
-	Quỹ khen thưởng :	9.026.845.017	đồng
-	Quỹ phúc lợi :	6.107.270.469	đồng
-	Mua cổ phiếu quỹ :	7.866.485.920	đồng
5	<b>Lợi nhuận còn lại trước phân phối</b>	<b>43.863.663.899</b>	<b>đồng</b>
6	<b>Lợi nhuận đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 phân phối như sau:</b>	<b>43.863.663.899</b>	<b>đồng</b>
-	Chi trả cổ tức 4% mệnh giá, tương đương 400 đồng một cổ phần cho cổ đông nằm trong danh sách Trung tâm lưu ký chứng khoán đã chốt ngày 9/12/2011	39.546.032.000	đồng
-	Quỹ đầu tư phát triển :	1.000.000.000	đồng
-	Quỹ dự phòng tài chính :	1.000.000.000	đồng
-	Quỹ khen thưởng :	1.317.631.899	đồng
-	Quỹ phúc lợi :	1.000.000.000	đồng
7	<b>Lợi nhuận còn lại sau phân phối</b>	<b>0</b>	<b>đồng</b>

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ, vấn đề đã được Đại hội thông qua.

**Điều 6. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt, cụ thể:**

+ Tỷ lệ thanh toán 4%/cổ phiếu (một cổ phiếu nhận được 400 đồng)

+ Ngày đăng ký cuối cùng: 09/12/2011.

+ Thời gian thực hiện: 20/06/2012.

+ Địa điểm thực hiện:

- Đối với chứng khoán lưu ký : Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

- Đối với chứng khoán chưa lưu ký : Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty Petroland kể từ ngày 20/06/2012 (vào giờ làm việc hành chính các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần và xuất trình Chứng minh nhân dân, sổ chứng nhận cổ phần).

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ , vấn đề đã được Đại hội thông qua.

## **Điều 7. Thông qua quyết toán thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 và phê duyệt phương án thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012**

### **7.1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2011**

#### **7.1.1 Căn cứ thực hiện:**

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của PVC: Thực hiện theo Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách không là Người đại diện của PVC: Thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách:

+ Thành viên HĐQT : 4.000.000 đồng/tháng

+ Trưởng BKS 3.000.000 đồng/tháng

+ Thành viên BKS 2.000.000 đồng/tháng

#### **7.1.2 Tổng tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị: 998.025.905 đồng;**

*Trong đó:* - Tiền lương hàng tháng : 656.955.455 đồng.

- Tiền lương bổ sung, thù lao là : 341.070.450 đồng.

#### **7.1.3 Tổng tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát : 396.043.692 đồng.**

*Trong đó:* - Tiền lương hàng tháng : 256.490.727 đồng.

- Tiền lương bổ sung, thù lao là : 139.552.965 đồng.

### **7.2. Phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2012:**

Năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông giữ nguyên mức thù lao như năm 2011, cụ thể như sau:

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của PVC: Thực hiện theo Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách không là Người đại diện của PVC: Thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách:

+ Thành viên HĐQT : 4.000.000 đồng/tháng

+ Trưởng BKS 3.000.000 đồng/tháng

+ Thành viên BKS 2.000.000 đồng/tháng

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 88,83% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ, vấn đề đã được Đại hội thông qua.

### **Điều 8. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2012**

#### *8.1. Kế hoạch SXKD năm 2012:*

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2012	Tỷ lệ tăng trưởng so với 2011
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>596,00</b>	<b>65%</b>
	Đầu tư các dự án bất động sản	Tỷ đồng	596,00	65%
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu về tài chính</b>			
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.000,00	100%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	975,00	101%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,25	46%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	66,19	46%
5	Tổng số thuế và các khoản nộp NSNN	Tỷ đồng	22,06	23%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%	6,62	46%
7	Tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông	%	5,00	125%
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu về lao động</b>			
1	Thu nhập bình quân	trđ/ng/th	14,88	98%
2	Kế hoạch đào tạo	Tỷ đồng	0,50	113%
<b>IV</b>	<b>An sinh xã hội</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1,00</b>	<b>66%</b>

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT Công ty điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2011 linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế trên thị trường.

#### *8.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2012:*

<b>I. Lợi nhuận sau thuế năm 2012 dự kiến:</b>	66	tỷ đồng
<b>II. Tỷ lệ chi trả cổ tức:</b>		
- Tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông năm 2012 là 5%/vốn điều lệ.	50	tỷ đồng
<b>III. Trích lập các quỹ:</b>		
Trong đó bao gồm:		

- Quỹ dự phòng tài chính (5%)	3,3	tỷ đồng
- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	3,3	tỷ đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)	3,3	tỷ đồng

Đại hội đồng cổ đông: ủy quyền cho HĐQT Công ty tạm ứng cổ tức và quỹ khen thưởng phúc lợi căn cứ vào Báo cáo tài chính quý gần nhất.

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ, vấn đề đã được Đại hội thông qua.

**Điều 9. Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2012**

- + Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nam (Deloitte VietNam).
- + Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.
- + Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

Đại hội giao cho HĐQT chỉ định 01 Công ty để kiểm toán hàng năm theo quy định của Điều lệ Công ty.

Đại hội biểu quyết đồng ý đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần tham dự. Căn cứ theo Điều lệ, vấn đề đã được Đại hội thông qua.

**Điều 10. Triển khai thực hiện**

Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty và Ban lãnh đạo Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**Điều 11.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, tất cả các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng ban, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Sàn GDBĐS cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

*Nơi nhận:*

- Như điều 11.
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Ngô Hồng Minh**